

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS - ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Sái Văn Trọng.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà
Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HS-ST
ngày 16 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
05/2018/QĐXX ngày 19 tháng 01 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1986; nơi cư trú: Thôn
AM, xã TC, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn
hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;
con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án,
tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 30/2010/HSST ngày 22/4/2010 của
TAND huyện GL, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T1 26 tháng tù về tội
“Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 17/12/2010, đã chấp hành xong phần án
phí; ngày 05/05/2012, chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo bị bắt tạm giam từ
ngày 16/11/2017 đến ngày 16/01/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm
đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1984; nơi cư trú: Thôn
AM, xã TC, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn
hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;
con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án,
tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 124/2006/HSST ngày 28/7/2006 của
TAND huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T2 08 tháng tù nhưng
cho hưởng án treo, thử thách 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày
12/12/2006, đã chấp hành xong phần án phí hình sự; tại bản án số

46/2012/HSST ngày 31/7/2012 của TAND huyện PY, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn T2 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 26/10/2012, đã chấp hành xong phần án phí hình sự, ngày 25 /09 /2014 chấp hành xong hình phạt tù; tại bản án Hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 21-12-2017, Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2017 (Bản án đã có hiệu lực pháp luật). Hiện bị cáo T2 đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc theo bản án của Tòa án nhân dân thị xã PY, có mặt.

- Người bị hại:

Chị Trần Thị Th, sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố MQ, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 07/9/2017, Nguyễn Văn T1 một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu trắng BKS 20L2 - 6933 từ thành phố Việt Trì qua địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc về xã TC, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên. Khi đi đến địa phận thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì T1 nhận được điện thoại của anh trai là anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982 ở thôn AM, xã TC, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên (anh trai T1) bảo T1 mua phao chống tràn bể nước. T1 đồng ý và điều khiển xe đến cửa hàng tạp hóa Th Châu ở trên đường Tôn Đức Thắng, tổ dân phố MQ, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc - do chị Trần Thị Th, là chủ cửa hàng hỏi mua phao. Chị Th đồng ý và đi vào phía trong cửa hàng tìm kiếm. Lúc này, T1 nhìn thấy trên mặt bàn kê giáp cửa, phía bên phải hướng đi vào quán có 01 điện thoại Samsung Galaxy A510 và nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát xung quanh thấy không có ai, T1 liền cầm chiếc điện thoại đút vào túi quần trước bên phải rồi nhanh chóng ra khỏi cửa hàng rồi điều khiển xe máy đi về nhà của mình. Trên đường về, T1 dừng lại tháo sim điện thoại trong máy ném đi (T1 không rõ vị trí ném chiếc sim). Khi về đến nhà, T1 gặp Nguyễn Văn T2 (là anh trai T1), T2 thấy T1 cầm chiếc điện thoại Samsung Galaxy A510 trên tay, T2 biết ngay là T1 đã trộm cắp được điện thoại nên T2 hỏi T1: “Lấy trộm ở đâu”, T1 trả lời: “Em lấy ở thành phố V chiều hôm nay”. Bản thân T2 lúc này đang sử dụng 01 điện thoại Iphone 5, do khó sử dụng nên T2 nói với T1: “Đổi cho anh, để anh sử dụng điện thoại Samsung còn mày sử dụng iphone này”. T1 đồng ý đưa điện thoại Samsung Galaxy A510 cho T2, T2 liền gắn sim của mình vào máy Samsung Galaxy A510 và sử dụng.

Khoảng 12 giờ ngày 08/9/2017, T2 đi xuống thị xã PY chơi và sử dụng ma túy thì bị Công an thị xã PY bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất

ma túy và bị thu giữ chiếc điện thoại trên. Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, T2 đã khai nhận chiếc điện thoại này do T1 (em trai T2) trộm cắp được ở thành phố V. Cơ quan điều tra Công an thị xã PY đã bàn giao chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố V để điều tra theo quy định.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 170/KL-HĐĐG ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V, kết luận: Chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A510 trị giá: 3.000.000đ.

Ngày 17/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Quyết định trưng cầu giám định số 716 phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với 01 thẻ nhớ loại 8Gb màu đen được lưu giữ thông tin hình ảnh camera ghi lại quá trình đối tượng vào lấy tài sản được niêm phong ký hiệu A1 do trích xuất dữ liệu từ camera tại cửa hàng của chị Trần Thị Th. Ngày 23/11/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận số 1411, kết luận: Chụp được 05 ảnh nhận dạng đối tượng và diễn biến liên quan đến vụ việc trên từ tệp video gửi giám định. Quá trình điều tra xác định là hình ảnh Nguyễn Văn T1 đang thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại tại cửa hàng tạp hóa Thảo Châu.

Cáo trạng số 11/KSĐT – KT ngày 15/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Chị Trần Thị Th (vắng mặt tại phiên tòa) trong quá trình điều tra khai: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 07/9/2017, tại cửa hàng tạp hóa của chị tại MQ, phường KQ, V chị bị 01 đối tượng vào lấy trộm 01 chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A510, trị giá khoảng 04 triệu đồng; chị đã nhận lại tài sản bị trộm cắp do cơ quan điều tra trao trả; chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử T2 bố: Bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2, xử phạt bị cáo T2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

để tổng hợp hình phạt của bản này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 21-12- 2017, của Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù; đề nghị áp dụng: Khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị Th là hợp pháp.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, với kết luận giám định, định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 07/9/2017, tại cửa hàng tạp hóa Thảo Châu ở tổ dân phố MQ, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc lợi dụng sơ hở của chị Trần Thị Th trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Văn T1 đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung galaxy A510, trị giá 3.000.000đ. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại trên, T1 mang về nhà ở của mình ở thôn An Miên, xã Thành Công, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn T2 là anh trai T1 biết rõ chiếc điện thoại Samsung A510 là do T1 trộm cắp mà có nhưng vẫn đổi chiếc điện thoại của mình lấy chiếc trên để sử dụng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo T1 như trên đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo T2 biết rõ chiếc điện thoại Samsung A510 do bị cáo T1 trộm cắp nhưng đã đổi và sử dụng chiếc điện thoại do T1 phạm tội mà có như vậy đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tội phạm và hình phạt đối với T1 được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Tội phạm và hình phạt đối với T2 được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự 1999. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà... tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo T1, T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; xâm phạm tới trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an và an toàn xã hội, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều đã bị xử lý trước pháp luật về hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Tại bản án hình sự số 30/2010/HSST ngày 22/4/2010 của TAND huyện GL, thành phố Hà Nội xử phạt T1 26 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 17/12/2010, đã chấp hành xong phần án phí, ngày 05/05/2012, chấp hành xong hình phạt tù. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2: Tại bản án số 124/2006/HSST ngày 28/7/2006 của TAND huyện ĐA, thành phố Hà Nội xử phạt T2 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 12/12/2006, đã chấp hành xong phần án phí hình sự; tại bản án số 46/2012/HSST ngày 31/7/2012 của TAND huyện PY, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt T2 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 26/10/2012, chấp hành xong phần án phí hình sự. Ngày 25/09 /2014, chấp hành xong hình phạt tù. Tuy các bản án trên đối với các bị cáo đã được xóa án tích theo quy định nhưng thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật; các bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho mình mà vẫn tiếp tục phạm tội. Ngoài ra, bị cáo T2 vừa bị Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (tại bản án Hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 21-12- 2017). Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2017 (Bản án đã có hiệu lực pháp luật), tuy bản án này cũng không được tính là tiền án (tái phạm) theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự 2015 nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần phạm tội, do đó cần xử phạt nghiêm.

Về các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo “thành khẩn khai báo” nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A 510 màu vàng mà Nguyễn Văn T1 trộm cắp của chị Trần Thị Th. Qua điều tra xác định: Chị Th mua chiếc điện thoại này từ tháng 12/2016 và sử dụng, đến ngày 07/9/2017 thì bị T1 trộm cắp. Ngày 05/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trả lại tài sản cho chị Trần Thị Th: 01 điện thoại sam sung Galaxy A510 màu vàng; 01 thẻ nhớ loại 8Gb màu đen (là thẻ nhớ chứa camera hình ảnh T1 trộm cắp tài sản). Sau khi nhận lại tài sản chị Th không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Hon da Dream màu nâu trắng, BKS 20L2- 6933 mà Nguyễn Văn T1 đã làm phương tiện để đi, sử dụng vào việc trộm cắp là tài sản của Nguyễn Văn T2. T2 khai nhận chiếc xe máy này T2 mua lại của một người tên Dũng, khoảng 30 tuổi nhà ở SS, Hà Nội vào đầu năm 2017 với giá 2.000.000đ, sau đó T2 sử dụng để đi lại. Khi mua bán chiếc xe trên, chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ gì, chiếc xe máy này có lúc T2 đi, có lúc T1 đi. Quá trình điều tra xác định: xe máy trên đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Quang H ở thôn Hộ Sơn, xã NT, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên, anh Hợp khai: Cuối năm 2005, anh có mua và sử dụng 01 chiếc xe máy Dream, loại Trung Quốc màu trắng, nâu, đăng ký mang BKS 20L2-6933. Khoảng tháng 8/2010, anh đã bán chiếc xe này cho một nam giới tên Nam khoảng 30 tuổi mà anh quen biết ở huyện PY, tỉnh Thái Nguyên (anh không có thông tin gì khác), mua bán bằng miệng, không có văn bản, giấy tờ gì. Sau đó Nam sử dụng ra sao anh không rõ, hiện do ai quản lý sử dụng anh không biết; trong suốt thời gian sử dụng anh H không làm mất hay cầm cố gì. Quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe máy mà T2 có, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 5 của T2 đổi cho T1 để sử dụng, quá trình điều tra T2 khai nhận nguồn gốc chiếc điện thoại là của T2 mua của một người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ và sử dụng đã lâu. Hiện chiếc điện thoại này T1 đã bán cho 01 người nam giới (không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể) và tiền bán điện thoại đã tiêu sài cá nhân hết, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với chiếc sim lắp trong chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A510 của chị Trần Thị Th, T1 khai: Sau khi trộm cắp được điện thoại, trên đường về nhà của mình, T1 dừng lại tháo sim điện thoại trong máy ném đi (T1 không rõ vị trí

ném chiếc sim) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; chị Th không có yêu cầu đề nghị gì đối với T1 về bồi thường chiếc sim trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1: 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/01/2018.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 21-12- 2017 của Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2017.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục thi hành án TP V;
- Thi hành án Hình sự;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh